

Phụ lục I  
KẾ HOẠCH KINH PHÍ TỰ CHỦ THEO ĐỊNH MỨC HỆ DỰ PHÒNG NĂM 2025

Đơn vị: đồng

| Stt | Nội dung                         | Dự toán được giao |                |                | Chỉ tiêu biên chế |               |      | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|-------------------|----------------|----------------|-------------------|---------------|------|---------|
|     |                                  | Khánh Hòa cũ      | Ninh Thuận cũ  | Cộng           | Khánh Hòa cũ      | Ninh Thuận cũ | Cộng |         |
| I   | Kinh phí tự chủ                  | 18.667.600.000    | 19.795.343.496 | 38.446.232.000 | 120               | 108           | 228  |         |
| 1   | Kinh phí lương                   | 11.840.178.912    | 18.265.552.000 | 30.105.730.912 | 114               | 108           | 222  |         |
| 2   | Nghị định 111                    | 417.600.000       |                | 417.600.000    | 6                 |               | 6    |         |
| 3   | Kinh phí hoạt động theo định mức | 1.710.000.000     | 1.513.080.000  | 3.223.080.000  | 114               | 108           | 222  |         |
| 4   | Kinh phí chuyên môn              | 2.452.821.088     |                | 2.452.821.088  |                   |               |      |         |
| 5   | Kinh phí PCD                     | 2.247.000.000     |                | 2.247.000.000  |                   |               |      |         |
| 6   | Năm 2024 chuyển sang             |                   | 16.711.496     |                |                   |               |      |         |
|     | TỔNG CỘNG                        | 18.667.600.000    | 19.795.343.496 | 38.446.232.000 | 120               | 108           | 228  | -       |